

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC VENEZUELA ĐỘC LẬP

Đỗ Minh Tuấn
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

1. Quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân Venezuela

Trước khi nhà thám hiểm Christopher Columbus tìm ra châu Mỹ vào năm 1498, thì ở đây là nơi sinh sống của các bộ tộc người da đỏ còn được gọi là người Indian. Sau một năm kể từ khi Columbus tìm ra châu Mỹ, một đoàn thám hiểm Tây Ban Nha khác do nhà thám hiểm người Italia, tên là Amerigo Vespucci dẫn đầu đã đặt chân đến vùng Lago de Maracaibo. Tại đây ông thấy người bản xứ dựng nhà sàn trên các bãi lầy thuộc vùng hồ Maracaibo. Điều này khiến ông nhớ đến Vespucci of Venice và ông đặt tên cho vùng đất này là Venezuela, có nghĩa là Venice bé nhỏ (Little Venice). Thời kỳ này do chưa hiểu biết về dầu lửa nên người Tây Ban Nha không mấy chú trọng đến Venezuela. Hoàng gia Tây Ban Nha chỉ tập trung vào việc khai thác các mỏ vàng, bạc, kim cương ở Mexico, Peru và các vùng đất khác. Hoàng gia Tây Ban Nha tập trung rất ít quân đội, các cơ quan hành chính và hoạt động tôn giáo trên các vùng lãnh thổ của Venezuela. Do đó mà mãi tận đến năm 1526, Tây Ban Nha mới chinh phục được Caracas - một vùng đất trù phú cho việc phát triển nông nghiệp. Nhiều vùng lãnh thổ thuộc Venezuela ngày nay chưa được người Tây Ban Nha khai phá. Vì không được coi

trọng về mặt kinh tế, nên về mặt chính trị, các vùng đất của Venezuela tương đối độc lập so với chính quyền thực dân và không có sự thống nhất trên toàn vùng. Chính quyền thực dân Tây Ban Nha đặt Venezuela nằm trong quyền kiểm soát của toàn quyền New Granada vào năm 1717. Hơn nữa, các quan chức ở những khu vực không quan trọng có được những thẩm quyền to lớn trong các thuộc địa thuộc quyền quản lý của toàn quyền. Vì vậy, Venezuela có nhiều quyền tự trị hơn trong vùng New Granada.

Do có được một vùng đất trù phú có lợi cho phát triển nông nghiệp, trong thời kỳ này Venezuela đứng đầu khu vực Mỹ Latinh về sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là cacao. Đồng thời, các khu vực trực thuộc Venezuela chỉ có số dân bằng một nửa số dân của Colombia nhưng lại gấp đôi về giá trị xuất khẩu: cacao (chiếm 1/3 tổng giá trị xuất khẩu, trên 4,5 triệu pesos) thứ đến là cà phê và bông. Các điền chủ giàu có sử dụng nô lệ để canh tác các vùng đất thuộc bờ biển và thung lũng Andean và trở thành tầng lớp thượng lưu vào giai đoạn cuối của thời kỳ thuộc địa... Bị hấp dẫn bởi các nguồn lợi kếch xù do cacao mang lại, nhiều người Tây Ban Nha đã di cư sang Venezuela. Vào thời kỳ này có hai đẳng cấp người: Giới thượng lưu và

người da màu. Giới thượng lưu gồm hai nhóm người: *Nhóm thứ nhất* gọi là Peninsulares là những người sinh ra ở Tây Ban Nha và được hoàng gia Tây Ban Nha điều động sang Venezuela nắm quyền cai trị Venezuela, họ là các công chức của chính quyền thực dân. Nhóm này nhận được nhiều đặc quyền đặc lợi từ chính quyền thực dân. *Nhóm thứ hai* là Criollos, là những người có nguồn gốc Tây Ban Nha. Mặc dù giàu có nhưng nhóm này không được tham gia vào chính quyền thực dân. Do đó mà có mâu thuẫn gay gắt giữa hai nhóm này trong giới thượng lưu. Phần lớn dân số còn lại là người da đen, người mestizo (lai giữa người da trắng và người da đỏ), họ phải chịu cảnh sống nghèo khổ, mù chữ, và đa số là những nô lệ trong các đồn điền. Đối với người da đỏ, người Tây Ban Nha tiến hành chính sách tiêu diệt các tộc trưởng và thay vào đó là các chúa đất người Tây Ban Nha, biến các bộ tộc người da đỏ trở thành nô lệ đồng thời thực hiện chính sách đồng hoá sâu rộng.

Khi xâm lược khu vực Mỹ Latinh nói chung, Venezuela nói riêng, người Tây Ban Nha đã thực hiện chính sách đồng hoá bằng việc đưa toàn bộ hệ thống chính trị từ mẫu quốc sang áp đặt vào hệ thống chính quyền cai trị ở Mỹ Latinh. Lúc này Tây Ban Nha vẫn là Nhà nước phong kiến với quyền lực tối cao và tuyệt đối của nhà vua. Vua là con trời, thực hiện sứ mệnh của chúa trời, do đó mà lời nói của vua là pháp luật buộc mọi người phải tuân theo. Nhà vua bổ nhiệm quan toàn quyền ở các thuộc địa. Lúc này Venezuela trực thuộc New Granada, đứng đầu New Granada là quan toàn quyền có quyền lực tuyệt đối trên toàn vùng thuộc địa này, ông ta được coi là

vua của thuộc địa. Dưới là các tướng lĩnh có quyền lực tuyệt đối trong phạm vi thẩm quyền của mình. Cuối cùng là các chúa đất với quyền lực tuyệt đối trong vùng đất thuộc sở hữu. Để thực hiện đồng hoá và truyền bá tư tưởng của chế độ phong kiến và các học thuyết triết học tôn giáo trung cổ vào Mỹ Latinh, Hoàng gia đã dựa rất nhiều vào các nhà thờ và giáo sỹ Thiên chúa giáo. Vì thế nhà thờ trở thành cánh tay đắc lực của chính quyền thuộc địa. Nhiều đặc quyền, đặc lợi được trao cho nhà thờ tôn giáo. Tư tưởng chính trị tôn giáo ăn sâu vào tư duy của người dân thuộc địa trong suốt ba thế kỷ thuộc địa và nó còn có những ảnh sâu sắc đến đời sống chính trị của Venezuela trong thời kỳ độc lập. Thời kỳ này nhà thờ độc quyền trong hoạt động giáo dục và truyền bá tri thức, người dân được gieo vào đầu những khái niệm thần bí, giáo điều, buộc con người phải chấp nhận số phận vì địa vị xã hội là do Chúa ban.

Vào những năm cuối của thế kỷ thứ 18, trước tình hình các nhà kinh doanh ở thuộc địa làm ăn buôn bán trực tiếp với các nước Bắc Âu... Hoàng gia Tây Ban Nha quyết định ban hành chính sách hạn chế tự do thương mại. Tây Ban Nha coi các hành vi đó là buôn lậu. Đồng thời, Tây Ban Nha giao quyền kinh doanh cho công ty Banque. Công ty Banque thống trị hoạt động thương mại ở Venezuela. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những tầng lớp kinh doanh giàu có của Venezuela cũng như quyền lợi của những người bình dân Venezuela. Mâu thuẫn giữa cư dân Venezuela với chính quyền thống trị ngày càng trở lên gay gắt. Vào năm 1749 một cuộc bạo loạn do một người thuộc tầng lớp dưới tên là Juan Francisco de Láun lãnh đạo. Lực

lượng này gồm những người lao động nghèo và được sự hậu thuẫn của giới thượng lưu. Cuộc bạo loạn này nhanh chóng bị dập tắt. Song nó như là một hồi còi báo trước một cuộc nổi dậy của nhân dân Venezuela giành độc lập sắp bắt đầu.

Nền kinh tế của khu vực Mỹ Latinh ngày càng phát triển, trình độ và khả năng của Tây Ban Nha không thể đáp ứng được nhu cầu sản xuất của các ông chủ mới ở các thuộc địa. Điều này gây ra sự thất vọng của các thuộc địa đối với mẫu quốc. Nhà nước Tây Ban Nha ở thế kỷ thứ 18 không có khả năng cung cấp đủ các phương tiện sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của các thuộc địa ở Mỹ Latinh và họ buộc phải tìm đến các nhà xuất khẩu thiết bị sản xuất hiệu quả hơn từ các nước Tây Âu. Mọi chính sách hài hòa ở thuộc địa đều thất bại, vì các thuộc địa thấy khó chịu khi Tây Ban Nha làm trung gian trong mối quan hệ giữa các thuộc địa ở Mỹ Latinh với các nền kinh tế hùng mạnh ở Bắc Âu và do đó mà mối quan hệ giữa chính quốc và thuộc địa không thể bền vững như mong muốn. Do vậy, khát vọng độc lập đã xuất phát từ nguyên nhân kinh tế, mặc dù Hoàng gia Tây Ban Nha đã tiến hành cuộc cải cách về chính trị ở thuộc địa, nhưng công cuộc cải cách thuộc địa vào thế kỷ thứ 18 đã không tạo ra được một trật tự sáng sủa hơn. Vì cuộc cải cách đó đã mở ra những cơ hội mới cho các thuộc địa, đồng thời họ cũng nhận ra được những đặc quyền, đặc lợi mà các nhà kinh doanh từ bán đảo Iberia có được từ vai trò trung gian trong các quan hệ thương mại giữa các thuộc địa của Tây Ban Nha với các nước công nghiệp ở Bắc Âu. Có thể thấy rằng các cuộc chiến tranh giành độc lập xuất phát từ nỗ lực của các nhà sản xuất ở Mỹ Latinh

tìm kiếm con đường tốt hơn để gia nhập thị trường quốc tế và bảo đảm an toàn cho các khoản lợi ngày càng lớn.

Trào lưu khai sáng ở châu Âu đã thôi thúc những người dân thuộc địa thay đổi hoàn toàn xã hội. Họ không chỉ mong muốn loại bỏ khỏi vùng đất này chế độ phong kiến, hệ thống thực dân mà còn muốn tiến hành cuộc cách mạng dân chủ như đã nổ ra ở các nước Tây Âu và Hoa Kỳ, đồng thời muốn cải tạo ý thức hệ từ lâu đã bị đắm chìm trong sự tối tăm của kinh thánh. Ý thức độc lập đã hình thành trong lòng nhân dân thuộc địa.

Francisco de Miranda là người tiên phong nổi tiếng nhất của phong trào cách mạng ở Mỹ Latinh. Miranda sinh năm 1750 ở Caracas trong một gia đình Criollo giàu có. Ông có một thời gian sống ở những nước châu Âu, ở đó có nhiều điều mới lạ so với Tây Ban Nha. Đó là những tư tưởng cách mạng, cái thôi thúc ông đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Ông luôn tỏ ra ngưỡng mộ nền độc lập của Hoa Kỳ. Chỉ chờ có cơ hội là cuộc đấu tranh giành độc lập sẽ nổ ra.

Năm 1808, Pháp xâm lược Tây Ban Nha giữa lúc xảy ra tranh chấp quyền lực trong hoàng tộc Tây Ban Nha, Vua Charles buộc phải nhường ngôi cho con trai, năm 1910 Napoleon trao vương quyền Tây Ban Nha cho em trai ông ta là Joseph Bonaparte. Điều này dẫn đến cuộc chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha kéo dài bốn năm. Tại Caracas, ngày 19 tháng 8 năm 1810 Hội đồng thành phố đã bãi nhiệm Thống đốc Vicente Emparon, ngay sau đó thành lập Chính phủ lâm thời dưới tên của Hoàng đế đã bị phế truất Ferdinand VII. Ngày 5 tháng 7 năm 1811, Quốc hội được thành lập bởi quân nổi dậy đã tuyên bố Venezuela

độc lập. Miranda nắm quyền Tổng chỉ huy quân đội và là người đứng đầu Nhà nước. Ngày 21 tháng 12 năm 1811, Hiến pháp đầu tiên của Venezuela ra đời đánh dấu sự khởi đầu của nền cộng hoà thứ nhất ở Venezuela. Tuy nhiên vẫn còn ba thành phố lớn vẫn muốn chịu sự quản lý của Joseph Bonaparte. Đồng thời Miranda đã không nhận thấy được vai trò quan trọng của tầng lớp bình dân, là lực lượng chiếm đại đa số trong dân chúng. Do vậy, những người bình dân vẫn còn trung thành với vương quyền. Sau một trận động đất kinh hoàng ở Venezuela gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền cộng hoà non trẻ, ngay thơ, quân đội trung thành với Hoàng gia đã tấn công Chính phủ của Miranda. Ngày 25 tháng 07 năm 1812, Miranda đầu hàng quân trung thành. Năm 1816, ông chết trong một nhà tù ở Tây Ban Nha.

Chỉ một năm sau, năm 1813, phong trào đấu tranh giành độc lập lại nổ ra dưới sự lãnh đạo của một nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử Venezuela, Simon Bolivar. Bolivar sinh năm 1783 trong một gia đình Criollo thuộc vào hàng giàu có nhất ở Venezuela, mồ côi từ năm 9 tuổi ông được gửi sang Pháp học. Tại đây ông được giảng về cuộc cách mạng trí tuệ, còn gọi là cuộc khai sáng và cuộc cách mạng chính trị ở Pháp. Ông có khát vọng giải phóng toàn bộ Mỹ Latinh khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha. Năm 1813, ông tiến hành "cuộc chiến quyết tử" và thành lập nên cộng hoà thứ hai. Tuy nhiên, ông lại mắc sai lầm như người đi trước, ông đã bỏ qua ý chí, nguyện vọng của giới bình dân và dân da màu. Đến tháng 9 năm 1814 nền cộng hoà thứ hai bị lật đổ bởi các kỵ binh Llaneros dưới sự chỉ huy của tướng quân Joso Tomos Boves, một

người thuộc lực lượng trung thành. Tuy vậy, Bolivar không lùi bước, ông rời khỏi Venezuela để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới. Rút kinh nghiệm từ sự thất bại lần trước, Bolivar đã thuyết phục được các kỵ binh Llaneros rằng kẻ thù chính của họ là Tây Ban Nha chứ không phải là những người yêu nước và liên minh với họ. Đồng thời ông đã liên minh với Manuel Piar, người lãnh đạo giới bình dân và người da đen. Tất cả đều nằm dưới sự lãnh đạo của Bolivar. Năm 1819, ông tiến hành cuộc kháng chiến giải phóng một phần của New Granada thành lập cộng hoà Gran Colombia (các nhà sử học gọi là Gran Colombia vì nó được tạo ra từ Venezuela và Ecuador, là những phần lãnh thổ cũ của New Granada). Các qui định về tổ chức bộ máy được ban hành tại Quốc hội Angostura vào cuối năm. Mỗi bang độc lập của liên bang có một Phó tổng thống có thẩm quyền hành chính, còn Bolivar là Tổng thống.

Song Gran Colombia trong thời gian tồn tại luôn có xu hướng chia rẽ. Năm 1829, Tướng Poez đã tách Venezuela ra khỏi Gran Colombia. Bắt đầu từ đây một quốc gia có tên gọi là Venezuela đã có trên bản đồ thế giới. Nhà nước Venezuela là nhà nước liên bang.

2. Nhà nước Venezuela trong thời kỳ độc tài (1829-1958)

Sau khi tách ra khỏi Gran Colombia, Venezuela chìm trong bóng đêm của chế độ độc tài suốt từ năm 1829 cho đến năm 1958, mặc dù từ năm 1909 Venezuela là một cường quốc về xuất khẩu dầu lửa. Sau khi lên nắm quyền, Tướng Poez đã có ý tưởng xây dựng một nền cộng hoà mới. Năm 1830, Venezuela có Hiến pháp mới, Hiến pháp đã làm giảm vai

trò của quân đội, thừa nhận quyền chính trị, dân sự của những người chống đối Tổng thống. Đến những năm 1840 thì trong hàng ngũ lãnh đạo đất nước chia làm hai phe, phái bảo thủ thì ủng hộ Tổng thống, còn phái tiến bộ thì chống lại Tổng thống. Đến năm 1846, Tướng Joso Tadeo Monagas thay thế Poez, thành lập chế độ gia đình trị ở Venezuela trong suốt trên một thập kỷ.

Venezuela phải trải qua thời kỳ độc tài do xuất phát từ nền tảng xã hội của Venezuela trong suốt hơn ba thế kỷ qua được xây dựng trên giáo lý của Thiên chúa giáo và vương quyền Tây Ban Nha. Đó là hàng loạt các tư tưởng: Chủ nghĩa người thông thái (Elitism), theo đó con người sinh ra vốn không bình đẳng và chỉ có những người thông thái mới có thể thống trị, người thông thái ở đây ám chỉ những người có học vấn thuộc tầng lớp thượng lưu; Tư tưởng xây dựng một Nhà nước chuyên chế, thẳng tay trừng trị mọi sự phản kháng, người lãnh đạo phải là người tàn bạo "men on horse back"; Tư tưởng xây dựng chế độ đẳng cấp, mọi người có địa vị xã hội do Chúa ban. Do đó người ở đẳng cấp nào phải chấp nhận và cảm thấy hạnh phúc với đẳng cấp của mình. Mọi sự phản kháng, mọi cố gắng thay đổi địa vị xã hội đều là chống lại luật lệ của Chúa trời; Học thuyết về quyền lực tối cao và tuyệt đối của Nhà nước, Nhà nước quản lý tất cả mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội, nhà nước nắm vị thế độc quyền trong hệ thống chính trị; Tư tưởng gia đình trị, thông thường những người đứng đầu Nhà nước bố trí người thân trong gia đình, họ hàng, bạn bè, những người ủng hộ, tay chân... thậm chí cả đối thủ, vào các vị trí quan trọng trong chính quyền.

Những người lãnh đạo Venezuela trong thời kỳ trước năm 1958 chủ yếu là những người thuộc tầng lớp thượng lưu và là các tướng lĩnh quân đội. Tổng thống Cipriano Castro (1899-1908) là một tướng lĩnh, Tướng Elerar Lupez Contreras lên làm Tổng thống từ năm 1935 đến năm 1941 và ông này lại được thay thế bởi một "Bộ trưởng bộ chiến tranh". Nhìn chung các tướng lĩnh lên nắm quyền và giữ cương vị người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ là do có sự hậu thuẫn của quân đội. Còn việc bầu cử chỉ là hình thức. Để củng cố quyền lực của mình, họ vẫn duy trì phần nào các tư tưởng bảo thủ nói trên.

Về mặt kết cấu xã hội thì ở Venezuela vẫn có sự phân chia đẳng cấp như thời kỳ thuộc địa, chỉ có khác là khái niệm nô lệ đã mất đi trong xã hội Venezuela. Do đó để bảo đảm đặc quyền đặc lợi của mình, giới thượng lưu có xu hướng ủng hộ chế độ độc tài. Chế độ phong kiến Tây Ban Nha coi trọng sự tham gia chính quyền của quân đội, quan điểm này được các nhà chính trị Venezuela trước năm 1958 áp dụng. Với sức mạnh của mình, quân đội có đủ khả năng dập tắt bất cứ một cuộc đấu tranh dân chủ nào còn non nớt và yếu ớt. Về mặt kinh tế, Venezuela vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp, do đó thiếu lực lượng công nhân công nghiệp với những tư tưởng dân chủ tiến bộ để tiến hành cuộc cách mạng dân chủ. Tầng lớp bình dân và dân nghèo thì chưa hiểu biết nhiều về tự do, dân chủ, họ vẫn quen với lối suy nghĩ "bị trị". Trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mặc dù là lượng quan trọng nhất cho sự thành công nhưng tầng lớp bình dân không phải là những người nắm vai trò lãnh đạo. Các phong trào dân chủ đã xuất hiện ở Venezuela từ

những năm mới giành độc lập nhưng do lực lượng còn quá mỏng, họ chưa đủ sức mạnh để đập tan lực lượng bảo thủ được sự bảo vệ của quân đội xã hội Venezuela. Do vậy, chế độ độc tài đủ cơ sở tồn tại ở Venezuela trên 100 năm.

Venezuela không chỉ bất ổn định về chính trị mà còn phải chịu sự lệ thuộc về kinh tế vào các nước Tây Âu, và sau này là Mỹ. Các nhà sử học gọi thời kỳ này là thời kỳ “thực dân kiểu mới”. Các nhà tư bản ở Tây Âu và Mỹ tiến hành đầu tư vào Venezuela, lợi dụng trình độ khoa học công nghệ cao mà áp đặt lợi ích của mình lên các nước Mỹ Latinh, trong đó có Venezuela. Do thời kỳ này quân đội có vai trò quyết định đến quyền lực của Tổng thống, nên Chính phủ độc tài phải chi tiêu rất nhiều cho quân đội. Để bảo đảm cho các khoản chi quá sức trên, các nhà độc tài thường vay của Anh, Pháp, Hà Lan, Đức, Mỹ... Các khoản nợ này thường không có khả năng trả, cho nên Venezuela cũng như hầu hết các nước Mỹ Latinh lại rơi vào thời kỳ “thực dân kiểu mới”.

Trong thời kỳ này, Tổng thống là “ông vua” với quyền lực gần như là vô hạn, các cơ quan khác thậm chí cả Quốc hội chỉ là bù nhìn. Mỗi Tổng thống mới lên cầm quyền đều tiến hành thay đổi Hiến pháp cho phù hợp với quan điểm của ông ta, củng cố và tăng cường quyền lực tuyệt đối của mình. (Cho đến nay lịch sử Venezuela đã có tới 26 bản Hiến pháp.) Tổng thống Isaoas Medina Angarita (1941-1945) đã ban hành Hiến pháp mới để chống lại phong trào dân chủ, đưa các đảng phái đối lập ra ngoài vòng pháp luật. Tất cả các cuộc nổi dậy đều bị Tổng thống dùng quân đội đàn áp. Năm 1936, Tổng thống Lúpez đã sử dụng quân đội đàn áp tàn bạo cuộc

đình công của công nhân ngành dầu lửa. Các tổng thống tiếp theo đều sử dụng quyền lực của mình để trừng trị các phần tử phản kháng. Lịch sử Venezuela, cũng như lịch sử nhân loại không thể nào quên được “bạo chúa” Pérez Jiménez (từ năm 1952 đến năm 1958). Ông ta coi Quốc hội chỉ là thứ đồ chơi, ban hành Hiến pháp qui định Tổng thống do Quốc hội bầu nhằm duy trì địa vị thống trị của mình. Ông ta đã tra tấn, giết hại hàng trăm, không muốn nói là hàng nghìn người. Ông ta thẳng tay đàn áp các phong trào dân chủ, các lực lượng chống đối kể cả các sỹ quan quân đội, những người không thoát được thường bị giết hoặc bị giam hãm. Có thể nói Nhà nước Venezuela từ những năm 1829 đến năm 1958 là “hình mẫu của những chế độ độc tài quân sự ở khu vực Mỹ Latinh.”

3. Sự hình thành của Nhà nước dân chủ Panto Fijo

Ngược lại với tư tưởng bảo thủ, tôn sùng sức mạnh của quân đội trong quản lý Nhà nước, ngay từ những ngày đầu thành lập nước, những tư tưởng tiến bộ đã hình thành trong một bộ phận dân chúng. Chỉ có điều những tư tưởng ấy chưa có đất sống, những con người sục sôi ý chí cách mạng ấy chưa đủ sức lật đổ những thế lực phản tiến bộ, đang và tưởng như là một pháo đài bất khả xâm phạm. Sau này đến những năm 1930 và sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các phong trào này càng lớn mạnh. Các nhà dân chủ đấu tranh nhằm: nâng cao vai trò của Nghị viện; đòi hỏi quyền con người, mọi người có quyền bình đẳng trước pháp luật; thừa nhận các quyền chính trị, dân sự cơ bản của người dân, trong đó có quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu; thừa nhận

chính trị đa phương với sự tham gia của nhiều đảng phái, nhóm lợi ích; xây dựng nguyên tắc bầu cử phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín đối với các chức danh tổng thống, nghị sỹ, các chức danh quan trọng khác của Nhà nước; tách quân đội ra khỏi hoạt động quản lý Nhà nước, thay thế Nhà nước quân sự bằng Nhà nước của nhân dân

Các phong trào cách mạng dân chủ thực sự phát triển khi Tướng Elearas López Centreras lên nắm quyền Tổng thống từ năm 1935 đến năm 1941. Với những nhận thức tiến bộ về vai trò của đông đảo quần chúng, ông đã cho thả các tù chính trị từ thời Tổng thống Gúmez (từ năm 1908 đến năm 1935) và loại bỏ các qui định hà khắc dành cho các lực lượng đối lập. Ông cho phép thành lập các đảng phái chính trị, trong thời kỳ này có các đảng: Tổ chức của người Venezuela do người đứng đầu giới bình dân, Betancourt lãnh đạo (ORVE); Liên minh sinh viên Venezuela (FEV); Đảng Cộng sản Venezuela (PCV). Tuy nhiên chỉ ngay sau đó, bằng Hiến pháp năm 1936 ông đã cấm các hoạt động của Đảng cộng sản trên lãnh thổ Venezuela. Đồng thời ông còn đàn áp tàn bạo cuộc đình công của công nhân dầu lửa vào năm 1936, đưa ra khỏi vòng pháp luật hoạt động của công đoàn vào năm 1937. Ông xây dựng một cơ chế kiểm soát chặt chẽ các tổ chức, hoạt động của các lực lượng đối lập. Ông từ chối cho phép thành lập Đảng Dân chủ quốc gia (PDN) theo đề xuất của đảng ORVE và các đảng đối lập khác. Tuy nhiên, các đảng phái chính trị vẫn không ngừng các hoạt động chính trị của mình mặc dù họ phải hoạt động trong "đường ngầm". Đến năm 1941 Tướng Isaoas Medina Angarita lên thay Lupez. Tổng thống

mới đã mở rộng cánh cửa chính trị. Đảng PDN đã được hợp pháp hoá hoạt động của mình dưới tên mới là Đảng Hành động dân chủ (AD). Đảng này về sau ngày càng lớn mạnh và nắm vai trò quan trọng trong lịch sử Venezuela thời kỳ dân chủ sau này. Tổng thống cũng thành lập Đảng của riêng mình là Đảng dân chủ Venezuela (PDV). Ngày 18 tháng 10 năm 1945, Medina bị lật đổ bởi liên minh giữa AD và giới quân sự. Đảng AD nắm chính quyền, Betancourt làm Tổng thống. Tháng 3 năm 1946, công cuộc cải cách dân chủ đã bắt đầu bằng việc ban hành ra luật bầu cử mới. Luật mới qui định công dân Venezuela từ đủ 18 tuổi trở lên, kể cả phụ nữ có quyền bầu cử theo nguyên tắc bầu cử phổ thông. Các đảng phái đều có người đại diện của mình trong Quốc hội trên cơ sở tỷ lệ số phiếu bầu. Cùng trong năm đó Đảng dân chủ Thiên chúa giáo (COPEI) được thành lập bởi Rafael Caldera Rodroque. Đồng thời Liên minh Dân chủ Cộng hoà cũng ra đời. Tưởng rằng, kể từ đây người dân Venezuela sẽ được sống trong một xã hội dân chủ, ổn định, nhưng không, ngày 15 tháng 2 năm 1948 quân đội đã lật đổ chính quyền dân chủ non trẻ, thành lập lại chính quyền độc tài quân sự, đàn áp các phong trào dân chủ tiến bộ. Trong thời kỳ này, các lực lượng tiến bộ phải chịu những tổn thất đáng kể. Nhưng chế độ độc tài tàn ác nhất trong lịch sử Venezuela không có sức sống lâu. Các lực lượng chống đối ông ta ngày càng lớn mạnh, bao gồm cả sĩ quan và binh lính, cả các quan chức cao cấp đã quá ngán ngẩm trước tệ nạn tham nhũng, độc đoán. Cuộc thắng cử 85% không minh bạch vào năm 1957 như là một giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Cuộc nổi dậy của giới quân sự đã

chấm dứt một chế độ độc tài tàn bạo nhất trong lịch sử Venezuela và cũng là đoạn kết cho một thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử Venezuela.

Cuộc nổi dậy của giới quân sự lật đổ “bạo chúa” Pérez đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của đời sống chính trị Venezuela - thời kỳ dân chủ. Các nhà cách mạng dân chủ sau khi lên nắm quyền đã tiến hành một loạt các cải cách, không cho phép quân đội tham gia vào hoạt động quản lý Nhà nước, thừa nhận các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa... của người dân. Đặc biệt Betacourt - Tổng thống đầu tiên của chế độ dân chủ đã có một tư tưởng cực đoan là không thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước do giới quân sự nắm quyền. Hiến pháp năm 1961 là một Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Venezuela. Hiến pháp năm 1961 thừa nhận sự tham gia vào đời sống chính trị của nhiều đảng phái, các lực lượng xã hội khác, hạn chế sự tham gia (dù là bày tỏ quan điểm ủng hộ hoặc không ủng hộ một đảng phái chính trị nào) của quân đội. Tuy nhiên xét một cách khách quan, quan điểm tước bỏ quyền bầu cử của binh sĩ là quá cực đoan. Hiến pháp còn thừa nhận quyền bầu cử phổ thông, buộc các chức danh như Tổng thống, Nghị sỹ... phải thông qua bầu cử. Các đảng phái chính trị đều có các đại diện của mình trong nghị viện. Vai trò của tổng thống rất to lớn, vừa là người đứng đầu Nhà nước vừa là người đứng đầu Chính phủ. Đây chính là bản chất của chính thể cộng hoà tổng thống. Tổng thống có quyền veto, lựa chọn và thành lập nội các, quyền bổ nhiệm, cách chức Bộ trưởng, có quyền ban hành các văn bản qui phạm pháp luật trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước. Tổng thống còn là người chỉ huy tối cao lực lượng

quân đội của quốc gia. Ngoài ra, vai trò của công dân trong đời sống chính trị được Hiến pháp năm 1961 tôn trọng và bảo đảm. Công dân thực hiện quyền chính trị của mình thông qua các đảng phái chính trị, các lực lượng lợi ích, các phong trào xã hội bằng cách tham gia hoặc ủng hộ; thông qua bầu cử phổ thông để lựa chọn ra người đại diện cho lợi ích, ý chí của mình; trực tiếp tham gia vào chính quyền; tham gia vào hoạt động trưng cầu dân ý. Hơn nữa trong xã hội dân chủ không có sự phân chia đẳng cấp. Người ta gọi thời kỳ này là thời kỳ dân chủ Panto Fijo, thời kỳ này kéo dài từ những năm đầu của thập kỷ 60 đến năm 1999.

Mặc dù, Venezuela đã thiết lập được một chế độ xã hội công dân nhưng nền kinh tế của Venezuela vẫn chưa có gì khả quan. Tệ nạn tham nhũng, của quyền, vi phạm nhân quyền đã làm cho người dân Venezuela mất niềm tin vào chế độ dân chủ. Trong suốt những năm từ 1959 đến năm 1999, hàng trăm tỷ đôla thu nhập từ hoạt động bán dầu lửa cho nước ngoài chảy vào đất nước này, nhưng hàng loạt các dự án công cộng bị bỏ dở, hoặc bị hư hỏng do thiếu sự bảo quản, hệ thống bảo hiểm xã hội bị phá sản, hàng ngàn trẻ em bị bỏ rơi phải sống ở trong những đường cống ngầm để rồi trở thành những kẻ ngoài vòng pháp luật đang ngày một tăng ở các đô thị. Các nhà lãnh đạo Venezuela thiếu tự tin đối với khả năng lãnh đạo của chính bản thân mình và đã gửi hàng trăm tỷ đôla ở những nơi an toàn như châu Âu, Mỹ hay khu vực Viễn đông. Mặc dù thành công trong việc phát triển giới trung lưu với trình độ cao trong suốt thập kỷ 70, 80, nhưng cho đến

năm 1999, có hơn 80% dân số Venezuela sống trong nghèo đói.

Những thất bại của bảy chính phủ trong thời kỳ dân chủ Panto Fijo đã đòi hỏi phải có một sự thay đổi lớn nhằm đưa đất nước khỏi vũng lầy của sự nghèo đói và tham nhũng.

4. Nhà nước cộng hòa cộng hoà Bolivar Venezuela

Hugo Rafael Chavez sinh năm 1954 tại Sabaneta, Barinas, ông tốt nghiệp đại học ngành khoa học quân sự và nghệ thuật. Năm 1975, ông tốt nghiệp khoa học chính trị tại trường đại học Simón Bolivar. Đến năm 1990, ông được phong hàm trung tướng. Tháng 02 năm 1992, ông chỉ huy các sỹ quan trẻ tiến hành cuộc đảo chính nhằm lật đổ chính quyền của Tổng thống Carlos Andres Perez Rodríguez (1974-1979, 1989-1993), nhưng không thành. Chavez bị kết án và phải lĩnh án tù. Nhưng được sự ủng hộ của Tổng thống Rafael Caldera Rodríguez (nhiệm kỳ 1969-1974, 1994-1999) ông được thả ra vào năm 1994. Ông tiếp tục đấu tranh cho sự cải cách, và thành lập ra đảng mới với phương châm là chống tham nhũng và bảo thủ trì trệ, đó là Đảng Phong trào cộng hoà thứ năm (Movimiento Quinta República, MVR). Đảng này đã liên minh với nhiều đảng phái và các phong trào lợi ích khác, đồng thời kêu gọi sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân cho Chavez trong cuộc bầu cử tổng thống vào năm 1998. Kết quả là tháng 12 năm 1998, Chavez đã thắng cử với số phiếu ủng hộ là 57%.

Sau khi lên nắm quyền, Chavez đã đề xuất sửa đổi Hiến pháp với mục đích chống tham nhũng, bảo vệ nhân quyền, công lý và phát triển kinh tế. Quốc hội lập hiến Venezuela thảo

luận và soạn thảo Hiến pháp mới và ngày 15 tháng 12 năm 1999, Hiến pháp năm 1999 của nước cộng hoà Bolivar Venezuela được nhân dân thông qua qua cuộc trưng cầu dân ý với 71,8% phiếu thuận. Hiến pháp năm 1999 của Venezuela đã chấm dứt gần 40 năm tồn tại của nền dân chủ Panto Fijo với nhiều thay đổi đáng kể để lập ra một kỷ nguyên dân chủ mới, có thể tạm gọi là “nền cộng hoà thứ năm”. Hiến pháp mới cố gắng khắc phục những khiếm khuyết của hiến pháp năm 1961. Hiến pháp phân chia quyền lực nhà nước thành năm nhánh: ngoài ba nhánh quyền lực truyền thống thì có thêm hai nhánh quyền nữa là quyền lực bầu cử và quyền lực công dân. Quyền lực công dân được trao cho Hội đồng đạo đức quốc gia gồm ba người: Chủ tịch ban nhân quyền quốc gia, Tổng chưởng lý, Tổng kiểm toán. Mỗi người có văn phòng và người giúp việc riêng. Các cơ quan thuộc hệ thống quyền lực công dân hoạt động độc lập, có thẩm quyền ngăn chặn, thanh tra và truy cứu các hành vi vi phạm chuẩn mực công cộng, quy tắc hành chính, giám sát các hoạt động quản lý, tuân thủ pháp luật trong việc sử dụng tài sản của Nhà nước, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các hoạt động quản lý hành chính Nhà nước, cũng như tăng cường giáo dục nhằm hoàn thiện giá trị công dân cùng với sự đoàn kết, tự do, dân chủ, trách nhiệm xã hội và việc làm. Có thể thấy rằng hoạt động của cơ quan thuộc quyền lực công dân chủ yếu là các hoạt động kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan thực hiện quyền lực Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng tài sản của Nhà nước, thực hiện các dịch vụ của Nhà nước. Đây là hệ thống quyền lực được thành

lập ra để chống tham nhũng. Hệ thống quyền lực mới thứ hai là quyền lực bầu cử có chức năng giám sát hoạt động bầu cử. Ngoài ra còn có một sự thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Quốc hội của Venezuela trong thời kỳ này là Quốc hội một viện. Hiến pháp năm 1999 trao cho Tổng thống quyền bổ nhiệm Phó tổng thống, quyết định số lượng, thành phần của nội các và bổ nhiệm các chức danh này và được Quốc hội phê chuẩn. Tổng thống có quyền phong hàm, hạ cấp bậc của các sỹ quan cao cấp trong quân đội Venezuela, là tổng chỉ huy quân đội. Tổng thống có quyền veto đối với các đạo luật do Quốc hội thông qua, nhưng tại lần xem xét lại dự thảo luật bị Tổng thống phủ quyết mà Quốc hội vẫn thông qua với 51% số phiếu thuận trở lên thì dự thảo sẽ thành luật. Trong trường hợp cần thiết theo qui định của pháp luật thì tổng thống có quyền giải tán quốc hội và đề nghị tổ chức một cuộc bầu cử mới. Ngoài ra Hiến pháp năm 1999 còn trả lại cho binh sỹ quyền bầu cử, một quyền chính trị cơ bản và quan trọng nhất. Thay đổi lớn của hiến pháp về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân cũng đã tạo cơ hội lớn cho người dân nghèo, người da đỏ khẳng định vai trò của mình trong xã hội. Với việc đưa vào thực tế quyền tham gia trưng cầu dân ý của người dân, có thể thấy Venezuela là một trong số ít những nước mà quyền tham gia vào hoạt động quản lý của người dân lại rộng rãi và thực tế như vậy: nhân dân tham gia vào việc ban hành hiến pháp năm 1999, trưng cầu dân ý về việc bất tín nhiệm tổng thống vào tháng 8/2004.

Vai trò của tổng thống là rất to lớn. Các chính sách của Venezuela xuất phát từ tư tưởng bình dân của ông, từ

năm 1998 cho đến nay hàng loạt các luật, chương trình được ban hành hướng tới người dân nghèo, ông mang đến cho người dân nghèo những gì mà trước đây họ chỉ có trong mơ. Leila Escoba, kỹ thuật viên của một phòng thí nghiệm đã trả lời phỏng vấn của báo chí như sau: "Tổng thống đã mang niềm hy vọng đến cho chúng tôi, món quà lớn nhất mà ông tặng chúng tôi là dân chủ. Không ai có thể cướp ông ấy khỏi chúng tôi." Tuy nhiên những chính sách vì dân nghèo của ông lại đụng chạm đến lợi ích của các nhà tư bản trong và ngoài nước. Chính sách chăm sóc, giúp đỡ người nghèo được đánh giá cao bởi giới bình dân của Chavez đã và đang bị các nhà kinh doanh công kích mãnh liệt. Cuộc chiến tranh Iraq đã đem đến cho Venezuela một khoản lợi bất ngờ, các khoản lợi đó được trích ra 1,7 tỷ USD cho phúc lợi cho xã hội và nếu là các đảng phái truyền thống cầm quyền thì khoản tiền đó sẽ bị bòn rút... Các nhà kinh doanh cảm thấy miễn cưỡng khi phải ủng hộ chính sách cải tổ xã hội của Tổng thống Chavez nhằm phân phối lại thu nhập. Đạo luật Hydrocacbon được ban hành ngày 13/9/2001 có hiệu lực từ tháng 1/2002 thay thế luật Hydrocacbon năm 1943 và luật quốc hữu hoá năm 1975. Đạo luật mới qui định rằng mọi hoạt động sản xuất và phân phối dầu đều thuộc về Nhà nước trừ các liên doanh hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất dầu thô siêu nặng. Đạo luật này còn cho phép các nhà đầu tư tư nhân được nắm giữ không quá 49% cổ phần vốn của liên doanh thực hiện các hoạt động khác với chính sách công và 100% vốn cổ phần của một doanh nghiệp nếu phù hợp với chính sách công. Chính sách mới này đã làm thiệt hại đến lợi ích của các

công ty xuyên quốc gia trong lĩnh vực dầu mỏ và lực lượng lao động làm cho các công ty này vốn được trả lương rất hậu hĩnh và có thu nhập vào hàng cao nhất Venezuela. Các lực lượng này tham gia tích cực vào phong trào chống Tổng thống Chavez. Tổng thống Chavez rất quan tâm đến vấn đề nhân quyền, ông không cho phép các công chức Nhà nước có bất kỳ hành vi nào vi phạm nhân quyền. Điều này được thể hiện ở chỗ Hiến pháp năm 1999 của Venezuela đã dành 111 điều luật (từ điều 19 đến điều 130) để qui định và bảo vệ nhân quyền, bảo vệ nhân quyền là nghĩa vụ của tất cả các công chức, cơ quan Nhà nước. Có một nguyên tắc hiến định mà ít có trong các đạo luật là trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các qui phạm pháp luật hoặc qui định của pháp luật mơ hồ thì qui phạm pháp luật nào hoặc hướng giải thích hoặc áp dụng luật nào có lợi cho người lao động được áp dụng. Không chỉ có thế, ông còn cho thực hiện trong thực tế nhiều chính sách bảo vệ nhân quyền rất hiệu quả. Vi phạm nhân quyền là tội phạm nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, công chức vi phạm không có quyền viện lý do thi hành lệnh cấp trên để miễn trừ trách nhiệm. Với tỷ lệ 2% trong tổng dân số của Venezuela, người da đỏ cũng thành lập ra các tổ chức để bảo vệ quyền lợi của mình, ngoài quyền được có ba đại diện trong Quốc hội theo Hiến pháp năm 1999 của Venezuela. Chủ tịch liên minh người da đỏ Venezuela (The confederation of Indigenous people of Venezuela, viết tắt là CONIVE),

Maldonado phát biểu: “Đây là lần đầu tiên người da đỏ đóng một vai trò tích cực trong việc ban hành chính sách của quốc gia. Quá trình tham gia đó đã tạo cơ hội cho nhân dân và chính phủ giữ được sự trao đổi qua lại.” Ông không tiếc lời ca ngợi Tổng thống Chavez trong hội nghị của CONIVE vào ngày 24 tháng 7 năm 2004: “Tổng thống Chavez là người bảo vệ chúng tôi.”

Những việc đã làm được của Chavez đã giúp ông có chỗ đứng vững chãi trong lòng quần chúng nhân dân. Chính họ đã giúp ông vượt qua được cuộc trưng cầu dân ý ngày 15/08/2004 đầy cam go. Các thế lực thù địch cố gắng lật đổ ông bằng nhiều cách, như đảo chính vào ngày 11 tháng 4 năm 2002 và trưng cầu dân ý vào năm 2004, nhưng những nỗ lực của họ đều thất bại trước sức mạnh của quần chúng nhân dân. Tuy vậy một điều không thể phủ định là tình hình chính trị của Venezuela trong nhiều năm tới cũng chưa thể đi vào ổn định. Có thể sau năm 2012, lại một tổng thống mới lên thay Chavez và hiến pháp thứ 27 sẽ ra đời với nền cộng hòa thứ sáu ■

Tài liệu tham khảo:

1. Barry C.Lynn, *Chaos and Constitution* [http://www.motherjones.com/news/feature/2003/01/ma_208-01.htm]
2. Anthony Kolenic and Mark Scott, *Venezuela's August 15 Recall Vote Further Polarizes the Nation*, Council on Hemispheric Affairs [www.coha.org.]
3. Robin Nieto, *Indigenous people of Latin America declare support for Venezuela's Chavez*, Venezuelanalysis.com